TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2023/DS-ST
Ngày: 18-12-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chấn
2. Ông Nguyễn Văn Thụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn S- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tùng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 06 năm 2023 về: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị L, sinh năm 1977; có mặt
Địa chỉ: thôn K 11, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; vắng mặt
Địa chỉ: thôn C, xã Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Bùi Văn Triển, sinh năm 1991; vắng mặt
Địa chỉ: thôn C, xã Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
- Anh Vi Văn S, sinh năm 1977; có mặt
Địa chỉ: thôn K 11, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị L trình bày: Giữa vợ chồng chị (Lâm Thị L, Vi Văn S) với vợ chồng chị Nguyễn Thị N, anh Bùi Văn Xchỉ là mối quan hệ xã hội. Ngày 12/06/2023, chị có đặt mua của chị Nguyễn Thị N 1.500 chiếc quạt tích điện, mã 198, giá 520.000 đồng/chiếc, với tổng số tiền là 780.000.000 đồng. Hai bên không lập văn bản, chỉ thỏa thuận miệng qua điện thoại. Chị chuyển tiền cho chị Lưu, chị Lưu sẽ giao hàng cho vợ chồng chị vào 03 ngày

là 17/6/2023, 18/06/2023 và 19/06/2023, nếu quá thời hạn trên chị không lấy hàng nữa. Địa điểm giao hàng là tại nhà chị Lưu thôn C, xã Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Thỏa thuận xong, chị đã chuyển khoản cho chị Lưu 03 lần với tổng số tiền là 730.000.000 đồng. Số tiền còn lại (50.000.000 đồng) trừ vào số tiền chị Lưu còn nợ chị trước đó. Đến hạn chị Lưu không giao được hàng cho chị. Do đó, ngày 20/06/2023 chị Lưu đã viết "Bản cam kết" với nội dung ngày 21/06/2023 chị Lưu trả 300.000.000 đồng, ngày 25/06/2023 trả 430.000.000 đồng. Ngày 22/06/2023, chị Lưu đã trả chị được 30.000.000 đồng, ngày 24/06/2023, chị Lưu trả tiếp 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại 680.000.000 đồng, chị Lưu nói khi nào có thì trả. Chị không đồng ý và đã đi lại đòi nhiều lần nhưng vợ chồng chị Lưu vẫn không trả. Số tiền trên là tài sản của hai vợ chồng chị, việc mua bán tài sản giữa chị với chị Lưu, chồng chị Lưu là anh Bùi Văn Xcó biết, nên chị yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị N, anh Bùi Văn Xphải liên đới trả vợ chồng chị số tiền 680.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 10%/năm từ ngày 27/6/2023 cho đến khi Tòa án tuyên án.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo, bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Giữa chị với vợ chồng anh Vi Văn S, chị Lâm Thị L chỉ là quan hệ xã hội. Chị Lâm Thị L có đặt mua của chị 1.500 chiếc quạt tích điện, mã 198. Thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng như chị L trình bày. Chị L đã chuyển khoản cho chị 730.000.000 đồng, nhưng đến hạn phải chuyển giao tài sản cho chị L, chị không giao được hàng như đã cam kết. Vì vậy, ngày 20/06/2023, chị đã viết "Bản cam kết", hẹn chị L đến ngày 21/06/2023, chị sẽ trả 300.000.000 đồng, số tiền còn lại 430.000.000 đồng ngày 25/06/2023 và 26/06/2023 chị sẽ trả nốt. Ngày 22/06/2023, chị đã chuyển khoản trả cho chị L 30.000.000 đồng, ngày 24/06/2023, chị trả tiếp cho chị L được 20.000.000 đồng. Ngoài ra, chị L còn lấy thêm của chị 5 chiếc quạt tích điện trong lô hàng 1500 chiếc. Như vậy, chị còn nợ chị L số tiền 680.000.000 đồng. Nay chị L yêu cầu chị phải trả số tiền trên và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 26/06/2023 cho đến khi Tòa án xét xử, chị đồng ý trả 680.000.000 đồng tiền gốc, nhưng xin được trả dần, tiền lãi chị không đồng ý, chị không còn khả năng trả lãi. Vì chị Đinh Thị Hương ở Nho Quan, Ninh Bình còn nợ tiền hàng chị, nhưng chưa trả, chị đã làm đơn tố có đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình. Việc mua bán tài sản giữa chị với chị Lâm Thị L mục đích để phát Xkinh tế riêng, không liên quan đến chồng chị là anh Bùi Văn Triển.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Vi Văn S nhất trí với lời khai của vợ anh là nguyên đơn chị Lâm Thị L.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Bùi Văn Xtrình bày: Việc mua bán giữa chị Lâm Thị L với chị Nguyễn Thị N là giao dịch riêng của chị Lưu với chị L, anh không biết và anh không có liên quan gì đến vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của

mình; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn Xchấp hành chưa tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị L, nhưng do anh Bùi Văn Xkhông có liên quan đến khoản nợ trên, nên chỉ buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho vợ chồng chị Lâm Thị L, anh Vi Văn S số tiền là 680.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm, tính từ ngày 27/06/2023 đến ngày 13/12/2023 là 31.166.000 đồng.

- Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lâm Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị N, anh Bùi Văn Xphải trả số tiền 680.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán quạt tích điện các bên đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, gọi chung là tranh chấp hợp đồng dân sự, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn Xvắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Do có mối quan hệ quen biết, mặc dù không có đăng ký kinh doanh, nhưng ngày 12/06/2023, chị Lâm Thị L với chị Nguyễn Thị N có thỏa thuận miệng qua điện thoại, chị L đặt mua của chị Lưu 1.500 chiếc quạt tích điện, mã 198, với tổng số tiền là 780.000.000 đồng. Thời hạn giao hàng vào 03 ngày 17, 18, 19 tháng 06 năm 2023. Địa điểm giao hàng tại nhà chị Lưu thôn C, xã Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Theo thỏa thuận, chị L đã chuyển khoản cho chị Lưu số tiền là 730.000.000 đồng. Đến hạn chị Lưu không giao được hàng như thỏa thuận. Ngày 20/06/2023 chị Lưu đã viết "Bản cam kết" sẽ trả lại chị L số tiền 730.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 21/06/2023 trả 300.000.000 đồng, ngày 25/06/2023 trả 430.000.000 đồng. Ngày 22/06/2023, chị Lưu đã trả được 30.000.000 đồng, ngày 24/06/2023, chị Lưu trả tiếp 20.000.000 đồng. Tổng số tiền chị Lưu đã chuyển khoản trả chị chị L hai lần là 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại 680.000.000 đồng, chị Lưu nói khi nào có thì trả.

Xét hợp đồng mua bán tài sản giữa chị Lâm Thị L với chị Nguyễn Thị N hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau như đã cam kết. Sau khi các bên giao kết hợp đồng,

chị Lâm Thị L đã chuyển tiền cho chị Nguyễn Thị N, nhưng chị Lưu không giao được hàng cho chị L như đã thỏa thuận. Vì vậy, chị Lâm Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải trả lại vợ chồng chị số tiền 680.000.000 đồng là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Sau khi không chuyển giao được tài sản theo như thỏa thuận, chị Nguyễn Thị N đã cam kết, đến ngày 25/06/2023 sẽ trả chị Lâm Thị L hết số tiền 680.000.000 đồng, nhưng đến nay chị Lưu vẫn chưa trả. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị Lâm Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải trả lãi với mức 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tính từ ngày 27/06/2023 đến ngày Tòa án tuyên án 18/12/2023 (05 tháng 21 ngày x 680.000.000 đồng x 10%/năm) = 32.300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 438 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận.

Tổng số tiền chị Nguyễn Thị N phải trả chị Lâm Thị L, anh Vi Văn S là (680.000.000 đồng + 32.300.000 đồng) 712.300.000 đồng.

[3] Chị Lâm Thị L yêu cầu anh Bùi Văn Xphải liên đới cùng với chị Nguyễn Thị N trả số tiền trên là không có cơ sở. Bởi lẽ, việc mua bán tài sản giữa chị Lâm Thị L với chị Nguyễn Thị N, anh Bùi Văn Xkhông biết; trong "Bản cam kết" lập ngày 20/06/2023 cũng không có nội dung nào thể hiện việc anh Xcó liên quan đến vụ việc; quá trình chuyển tiền, chị Lâm Thị L đều chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Thúy Lưu và các lần chị Lưu chuyển trả lại tiền cho chị L cũng chuyển từ số tài khoản của chị Lưu; chị Lâm Thị L cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh.

[4] Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị N cho rằng chị lập bản cam kết ngày 20/06/2023 là do vợ chồng chị Lâm Thị L ép buộc; chị đã giao cho chị Lâm Thị L 5 chiếc quạt tích điện trong lô hàng 1500 chiếc, nhưng chị Lưu không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh; Tòa án cũng đã lập biên bản đối chất, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình; chị Lưu cũng thừa nhận còn 680.000.000 đồng chị L đã chuyển khoản cho chị, nhưng chị chưa chuyển lại cho chị L…nên ý kiến của chị Lưu là không có cơ sở.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị L được chấp nhận nên hoàn trả chị Lâm Thị L 17.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí Lâm Thị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số: 0014663 ngày 30 tháng 06 năm 2023. Chị Nguyễn Thị N phải chịu 32.492.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 351, Điều 357, Điều 401, Điều 430, Điều 438, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273

Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị N phải trả chị Lâm Thị L, anh Vi Văn S tổng số tiền là 712. 300.000 đồng (Bẩy trăm mười hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Hoàn trả chị Lâm Thị L 17.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí Lâm Thị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số: 0014663 ngày 30 tháng 06 năm 2023. Chị Nguyễn Thị Thúy Lưu phải chịu 32.492.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân